

Nghệ An, ngày 20 tháng 07 năm 2026

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2026-ĐỢT CHÍNH THỨC

(Kèm theo Quyết định số: 599/QĐ-CDVHNT ngày 20 tháng 07 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Nghệ An)

Ngành/Nghề: Nghệ thuật biểu diễn dân ca (6 năm)  
Trình độ: Trung cấp

Đợt TS: 2026 - đợt 1  
Hình thức: Chính quy

| TT | SBD           | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh | Chuyên ngành | KV  | ĐT | Điểm Thấm âm - Tiết tấu | Điểm Chuyên ngành | Điểm ưu tiên ĐT | Điểm ưu tiên KV | Tổng điểm | Trúng tuyển | Ghi chú |
|----|---------------|-----------------------|-----------|------------|----------|--------------|-----|----|-------------------------|-------------------|-----------------|-----------------|-----------|-------------|---------|
| 1  | TC2026/CT_378 | Cao Minh Anh          | Nữ        | 22/5/2015  | Nghệ An  |              | KV2 |    | 6.00                    | 7.50              | 0               | 0.25            | 21.25     | X           |         |
| 2  | TC2026/CT_380 | Nguyễn Ngọc Bảo Anh   | Nữ        | 09/9/2015  | Nghệ An  |              | KV2 |    | 7.00                    | 7.50              | 0               | 0.25            | 22.25     | X           |         |
| 3  | TC2026/CT_381 | Nguyễn Thị Thục Anh   | Nữ        | 06/8/2014  | Nghệ An  |              | KV2 |    | 5.00                    | 6.00              | 0               | 0.25            | 17.25     | X           |         |
| 4  | TC2026/CT_383 | Phạm Tuấn Anh         | Nam       | 29/10/2014 | Nghệ An  |              | KV2 |    | 5.00                    | 6.50              | 0               | 0.25            | 18.25     | X           |         |
| 5  | TC2026/CT_384 | Nguyễn Khả Ái         | Nữ        | 16/3/2015  | Nghệ An  |              | KV2 |    | 7.00                    | 7.00              | 0               | 0.25            | 21.25     | X           |         |
| 6  | TC2026/CT_385 | Bùi Văn Gia Bảo       | Nam       | 02/12/2014 | Nghệ An  |              | KV2 |    | 6.00                    | 6.00              | 0               | 0.25            | 18.25     | X           |         |
| 7  | TC2026/CT_386 | Nguyễn Bảo Châu       | Nữ        | 25/10/2015 | Nghệ An  |              | KV2 |    | 7.00                    | 7.50              | 0               | 0.25            | 22.25     | X           |         |
| 8  | TC2026/CT_388 | Lê Thị Quỳnh Chi      | Nữ        | 27/10/2014 | Nghệ An  |              | KV2 |    | 7.00                    | 7.50              | 0               | 0.25            | 22.25     | X           |         |
| 9  | TC2026/CT_389 | Nguyễn Quỳnh Chi      | Nữ        | 19/9/2015  | Nghệ An  |              | KV2 |    | 6.00                    | 6.50              | 0               | 0.25            | 19.25     | X           |         |
| 10 | TC2026/CT_390 | Trần Anh Diệp         | Nữ        | 04/5/2015  | Nghệ An  |              | KV2 |    | 5.00                    | 6.00              | 0               | 0.25            | 17.25     | X           |         |
| 11 | TC2026/CT_391 | Lê Nguyễn Linh Đan    | Nữ        | 10/9/2012  | Nghệ An  |              | KV2 |    | 6.50                    | 6.00              | 0               | 0.25            | 18.75     | X           |         |
| 12 | TC2026/CT_392 | Lê Quang Giáp         | Nam       | 08/5/2014  | Nghệ An  |              | KV2 |    | 7.00                    | 7.50              | 0               | 0.25            | 22.25     | X           |         |
| 13 | TC2026/CT_393 | Cao Phan Thị Ánh Hồng | Nữ        | 10/01/2014 | Nghệ An  |              | KV2 |    | 5.50                    | 6.50              | 0               | 0.25            | 18.75     | X           |         |



| TT | SBD           | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh | Chuyên ngành | KV  | ĐT    | Điểm Thăm âm - Tiết tấu | Điểm Chuyên ngành | Điểm ưu tiên ĐT | Điểm ưu tiên KV | Tổng điểm | Trúng tuyển | Ghi chú |
|----|---------------|------------------------|-----------|------------|----------|--------------|-----|-------|-------------------------|-------------------|-----------------|-----------------|-----------|-------------|---------|
| 14 | TC2026/CT_395 | Đậu Đình Khang         | Nam       | 23/02/2012 | Nghệ An  |              | KV2 |       | 6,00                    | 6,00              | 0               | 0,25            | 18,25     | X           |         |
| 15 | TC2026/CT_397 | Nguyễn Thị Huyền Mỹ    | Nữ        | 08/11/2015 | Nghệ An  |              | KV2 |       | 6,50                    | 6,00              | 0               | 0,25            | 18,75     | X           |         |
| 16 | TC2026/CT_398 | Vô Bảo Ngọc            | Nữ        | 02/6/2015  | Nghệ An  |              | KV2 |       | 7,00                    | 7,00              | 0               | 0,25            | 21,25     | X           |         |
| 17 | TC2026/CT_400 | Nguyễn Thị Quỳnh Như   | Nữ        | 25/8/2014  | Nghệ An  |              | KV2 |       | 6,00                    | 7,50              | 0               | 0,25            | 21,25     | X           |         |
| 18 | TC2026/CT_402 | Phạm Nguyễn Uyên San   | Nữ        | 01/11/2014 | Nghệ An  |              | KV2 |       | 6,00                    | 6,00              | 0               | 0,25            | 18,25     | X           |         |
| 19 | TC2026/CT_406 | Phạm Lê Song Thư       | Nữ        | 16/12/2014 | Nghệ An  |              | KV2 |       | 7,00                    | 7,00              | 0               | 0,25            | 21,25     | X           |         |
| 20 | TC2026/CT_408 | Nguyễn Thị Huyền Trang | Nữ        | 22/6/2015  | Nghệ An  |              | KV2 |       | 6,50                    | 7,00              | 0               | 0,25            | 20,75     | X           |         |
| 21 | TC2026/CT_409 | Nguyễn Quang Trung     | Nam       | 20/02/2012 | Nghệ An  |              | KV2 |       | 5,00                    | 6,00              | 0               | 0,25            | 17,25     | X           |         |
| 22 | TC2026/CT_413 | Lâm Thế Vinh           | Nam       | 11/3/2013  | Nghệ An  |              | KV2 |       | 6,00                    | 6,00              | 0               | 0,25            | 18,25     | X           |         |
| 23 | TC2026/CT_414 | Kha Phương Vy          | Nữ        | 22/9/2014  | Nghệ An  |              | KV2 | ĐT 01 | 5,00                    | 5,00              | 2,00            | 0,25            | 17,25     | X           |         |
| 24 | TC2026/CT_415 | Nguyễn Thị Khánh Vy    | Nữ        | 26/6/2015  | Nghệ An  |              | KV2 |       | 7,00                    | 7,00              | 0               | 0,25            | 21,25     | X           |         |
| 25 | TC2026/CT_396 | Trần Lê Bảo Yến        | Nữ        | 17/11/2015 | Nghệ An  |              | KV2 |       | 6,00                    | 6,50              | 0               | 0,25            | 19,25     | X           |         |

Ghi chú: Điểm đã nhân hệ số môn Chuyên ngành, Hình họa.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Hạnh

PHÓ TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Lê Bá Dương

TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
KẾ TỊCH



Lê Vũ Anh